

Số: 237 /BC-THCS

Lý Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026
(Thời điểm báo cáo ngày 24 tháng 6 năm 2026)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS An Vĩnh báo cáo thường niên năm 2026 với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THCS An Vĩnh
- Địa chỉ: Thôn Đông An Vĩnh đặc khu Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi
- Web: <http://c2anvinhls.quangngai.edu.vn>
- Loại hình trường: Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

+ Sứ mạng: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao. Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp.

+ **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, trường THCS An Vĩnh có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân địa phương.

+ **Mục tiêu:**

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

Các mục tiêu cụ thể

Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có

lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3 và Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS An Vĩnh là trường công lập được thành lập từ tháng 8 năm 2001 theo Quyết định số 94/2001/QĐ-UB ngày 31/8/2001 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập trường Trung học cơ sở Lý Vĩnh;. Đến tháng 8 năm 2005 được đổi tên thành Trường THCS An Hải tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 18/8/2005 của UBND huyện Lý Sơn.

Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển trường có bề dày truyền thống lịch sử, trường được tạo nên bởi sự cống hiến của nhiều thế hệ Hiệu trưởng, nhà giáo, trường đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh trưởng thành hiện đang giữ những vị trí nhất định trong xã hội. Hiện nay trường được xây dựng khang trang với Diện tích 1023,4 m², gồm 3 dãy 24 phòng học, 10 phòng bộ môn: Phòng bộ môn Lý, Hóa, Sinh, CN, phòng tin học, âm nhạc, mỹ thuật và một số phòng chức năng: phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống, phòng Đoàn-Đội, phòng y tế, phòng họp, phòng đội giáo viên...01 nhà đa năng, có 01 nhà xe giáo viên, 02 nhà xe học sinh; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

Trường nhiều năm được công nhận tập thể lao động xuất sắc, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh tặng bằng khen. Năm 2015 Trường được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia (theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Năm 2017 Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 (theo Quyết định số 3094/QĐ-SGDĐT ngày 06/5/2016 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi). Đến năm 2021 được công nhận đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 (theo Quyết định số 685/QĐ-SGDĐT ngày 16/6/2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi), công nhận lại Trường THCS An Vĩnh đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (theo Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi).

- Tên hiệu trưởng hiện nay: Phạm Hoàng Trường; SĐT 0986005092; Email: phamhoangtruong70@gmail.com.

- Tổ chức bộ máy:

+ Trường được thành lập theo Quyết định số 94/2001/QĐ-UB ngày 31/8/2001 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập trường Trung học cơ sở Lý Vĩnh; Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 18/8/2005 của UBND huyện Lý Sơn về việc đổi tên trường.

+ Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Lý Sơn Điều

động và bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Trường, Hiệu trưởng Trường THCS An Vĩnh. Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 v/v bổ nhiệm lại ông Phạm Văn Quang, Phó Hiệu trưởng Trường THCS An Vĩnh. Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 Điều động và bổ nhiệm ông Trần Văn Ngọc, Phó Hiệu trưởng Trường THCS An Vĩnh.

+ Trường có Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn gồm 09 thành viên; Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký, chủ tịch Hội đồng trường là Ông Phạm Hoàng Trường – Hiệu trưởng (Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn).

+ Có 55 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (kể cả hợp đồng), được chia thành 05 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN-CN, tổ Văn-Nghệ thuật, tổ Lịch sử-Địa lý-CD-Tiếng Anh, tổ Toán-Tin-GDTC.

+ Tổng số học sinh toàn trường năm học 2025-2026 là 845 gồm 24 lớp: Khối 6 là: 208 học sinh ; Khối 7 là: 188 học sinh; Khối 8: 255 học sinh; Khối 9 là: 194 học sinh.

+ Trường có Chi bộ đảng với 41 đảng viên, Chi đoàn với 08 đoàn viên.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL, NV

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên theo nhóm VTVL và trình độ được đào tạo

Tổng số: CBQL, GV, NV: 55 người, trong đó: Lãnh đạo, quản lý 02 người, Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành 48 người, chuyên môn dùng chung 04 người, hỗ trợ phục vụ 01 người.

- Trình độ: Đại học 50 người, Cao đẳng 03 người, trung cấp 01 người, chưa qua đào tạo 01 người.

Cụ thể chia theo vị trí việc làm:

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: có 02 vị trí (02 người)

TT	Chức danh	Số lượng	Trình độ		CDNN		Chuẩn NN		Ghi chú
			ĐH	CD	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	
01	Hiệu Trưởng	01	01		01	0	01	0	
02	Phó HT	01	01		01	0	01	0	
Tổng cộng		02	02		02	0	02	0	

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: có 3 vị trí (46 người)

TT	Họ và tên	Số lượng	Trình độ		Ghi chú
			Đại học	Cao đẳng	
01	Giáo viên THCS hạng II	26	26		
02	Giáo viên THCS hạng III	21	19	02	
03	Thiết bị, thí nghiệm hạng IV	01	0	01	

Tổng cộng	48	45	03	
------------------	-----------	-----------	-----------	--

Giáo viên chia theo môn giảng dạy

TT	Môn	Số lượng	Trình độ		CDNN		Chuẩn NN		Ghi chú
			ĐH	CD	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	
01	Toán	08	08		08	0	08	0	
02	KHTN	10	10		08	02	09	0	
03	Văn	09	09		04	05	07	02	
04	Sử-Địa	07	07		03	04	06	01	
05	GDCD	01	01		0	01	01	0	
06	T. Anh	04	02	02	0	04	03	01	
07	Tin	02	02		0	02	01	01	
08	CN	01	01		0	01	01	0	
09	GDTC	03	03		03	0	0	0	
10	N Thuật	03	03		0	02	02	0	
Tổng cộng		47	45	02	26	21	42	05	

c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: có 4 vị trí (4 người)

TT	Chức danh	Số lượng	Trình độ		CDNN		Ghi chú
			ĐH	TC	Hạng IV	Hạng III	
01	Văn thư	01	01				Hợp đồng
02	Kế toán	01	01			01	
03	Thư viện	01	01		01		
04	Y tế học đường	01		01			Hợp đồng
Tổng cộng		04	03	01	01	0	

d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: có 01 vị trí (01 người)

- Nhân viên bảo vệ: 01 người

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Cán bộ quản lý: 02/02 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 100%

- Giáo viên: 43/47 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 91,5%; 04/45 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Khá, tỷ lệ 8,5%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

- 54/54 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành học tập chính trị, nghiệp vụ hè, tỷ lệ: 100%.

- 49/49 giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên, tỷ lệ 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường

Trường có tổng diện tích 10.233m², không có điểm trường. Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 học sinh 12,95m² đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Số lượng, hạng mục khối hành chính quản trị, khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khu sân chơi, thể dục thể thao

2.1. Khối phòng hành chính quản trị

- Có 01 Phòng Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Có 02 Phòng Phó Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Có 01 phòng Văn phòng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Phòng thường trực (bảo vệ) đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí thuận tiện cho sử dụng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường;

- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2.2 Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học, phòng bộ môn: 34 phòng,

+ Phòng học: 24 phòng (59 m²/phòng)

Phòng học được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; Mỗi phòng học được trang bị 01 Tivi có kết nối mạng phục vụ cho giáo viên giảng dạy.

+ Phòng bộ môn : 10 phòng

Phòng học bộ môn Âm nhạc: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Công nghệ: 02 phòng;

Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: 03 phòng (Lý, Hóa, Sinh);

Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Mỹ thuật: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Sử- Địa: 01 phòng;

Phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; Thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm; Phòng bộ môn tin được lắp đặt máy tính đủ cho học sinh học.

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Trường có 01 thư viện với diện tích 109 m², có tủ sách dùng chung; có các khu chức năng: kho sách (24,5 m²), khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh (84,5 m²);

Phòng thiết bị giáo dục: có 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng truyền thống: có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị;

Phòng đoàn đội: 01 phòng

2.4. Khối phụ trợ

Có 01 Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; Có hệ thống âm thanh, màn hình Led phục vụ cho tập huấn, họp trực tuyến.

Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, 02 giường bệnh;

Nhà trường bố trí 02 khu để xe học sinh: có mái che, vị trí thuận lợi cho học sinh gần lối ra vào;

Khu vệ sinh học sinh: 02 khu riêng biệt, số lượng thiết bị đảm bảo theo quy định tối thiểu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường .

Khuôn viên trường có cổng, hàng rào tường xây ngăn cách với bên ngoài, bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Tổng diện tích sân chơi bãi tập 6.268,8 m² để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân chơi bằng phang, có cây xanh bóng mát;

- Trường có 01 nhà đa năng với diện tích 777 m² luyện tập môn đá cầu, cầu lông, bóng bàn, cờ vua... Sân thể dục thể thao: 01 sân bóng chuyền, 1 sân bóng rổ bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

Nhìn chung, cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018

- Khối 6: 01 bộ
- Khối 7: 01 bộ
- Khối 8: 01 bộ
- Khối 9: 01 bộ

Cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định. Ngoài ra còn một số thiết bị dạy học của chương trình giáo dục 2006 nhà trường tận dụng sử dụng vào các nội dung bài dạy phù hợp.

4. Danh mục sách giáo khoa

4.1. Danh mục sách giáo khoa lớp 6 theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2021-2022.

4.2. Danh mục sách giáo khoa lớp 7 theo Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2022-2023.

4.3. Danh mục sách giáo khoa lớp 8 theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2023-2024.

4.4. Danh mục sách giáo khoa lớp 9 theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi V/v phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Lý Sơn từ năm học 2024-2025.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Hàng năm Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định Theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học; trên cơ sở điểm mạnh, điểm yếu đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với đặc điểm tình hình nhà trường.

Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

Trường được Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2016 nhà trường thực hiện đăng ký đánh giá ngoài. Thời gian 5/2016, kết quả của đoàn đánh giá ngoài: Công nhận Trường THCS An Vĩnh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số: 3094/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Sở giáo dục đào tạo Tỉnh Quảng Ngãi.

Đến năm học 2020 - 2021 nhà trường thực hiện đăng ký đánh giá ngoài. Thời gian 6/2021, kết quả của đoàn đánh giá ngoài: Công nhận Trường THCS An Vĩnh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số: 695/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Sở giáo dục đào tạo Tỉnh Quảng Ngãi và Công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện nhà trường đang thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 và đăng ký đánh giá ngoài vào tháng 6 năm 2026.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

I. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Kế hoạch tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 197/KH-THCS ngày 10/6/2025 về Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026 và được Hội đồng trường THCS An Vĩnh phê duyệt.

a) Đối tượng dự tuyển: Phải có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau:

- Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học.
- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.
- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh người Việt Nam ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.
- Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể vào học trước tuổi hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học phải có đầy đủ thủ tục theo qui định

b) Phạm vi tuyển sinh: học sinh thuộc địa bàn An Vĩnh, An Bình ddawcwj khu Lý Sơn.

c) Chỉ tiêu tuyển sinh: 206 học sinh/6 lớp.

d) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

e) Hình thức đăng ký xét tuyển: Trực tuyến

f) Thời gian thực hiện tuyển sinh

- Tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh vào lớp 6: 10/06/2025
- Hội đồng tuyển sinh vào lớp 6 làm việc: 16-18/06/2025
- Báo cáo kết quả tuyển sinh về Phòng GD&ĐT: 19/6/2025
- Trường công bố kết quả xét tuyển: 21/6/2025

2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học cơ sở; thực hiện tốt mục tiêu phòng chống dịch bệnh, bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện tốt quyền tự chủ nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trên khung chương trình giáo dục 35 tuần của Bộ GD&ĐT theo tinh thần công văn số 4555/BGDĐT-GDTrH ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026 và khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 15/8/2025.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực học sinh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, đề cao chất lượng giáo dục toàn diện, để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, năng lực của mình. Phát triển 5 phẩm chất chủ yếu, 10 năng lực cốt lõi theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và sức khỏe cho học sinh trong trường, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng chống bạo lực học đường.

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dạy học STEM, dạy học tích hợp, sinh hoạt chuyên đề. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn. Trường học là địa chỉ tin cậy của học sinh và phụ huynh.

b) Mục tiêu cụ thể

Kết thúc năm học 2025-2026, kết quả giáo dục của trường đạt được:

- 100% học sinh có phẩm chất từ mức Đạt trở lên.
- 100% học sinh có năng lực từ mức Đạt trở lên.

- Kết quả rèn luyện: 100% từ mức Đạt trở lên.
- Kết quả học tập của học sinh: 97% từ mức Đạt trở lên.
- 100% học sinh lớp 9 được công nhận hoàn thành chương trình THCS.
- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 82%, học giáo dục thường xuyên và học nghề đạt 18%.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 100% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
- Tổ chức được 04 hoạt động giáo dục kỹ năng sống (HĐGDKNS)/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.
- Tỷ lệ học sinh đạt học sinh xuất sắc và học sinh giỏi cấp trường: 24,5%.
- Có học sinh đạt giải các kỳ thi cấp tỉnh.

c) Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrTl ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội

Ngay từ đầu năm học, nhà trường cùng Ban địa diện cha mẹ học sinh xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban Đại diện cha mẹ học sinh và trường THCS An Vĩnh theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

4. Chương trình hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện sinh hoạt cho học sinh

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các bộ môn.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 261/KH-THCS ngày 28/9/2025 về việc Giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập năm học 2025 -2026; hướng dẫn đánh giá, xếp loại học sinh khuyết tật hoà nhập, năm học 2025-2026.

II. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Số lượng học sinh

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026: 206 học sinh.
- Tổng số học sinh: 845 học sinh (425 nữ)/24 lớp.
- + Khối lớp 6: 208 học sinh /6 lớp. Bình quân: 34,7 học sinh/lớp
- + Khối lớp 7: 188 học sinh /6 lớp. Bình quân: 31,4 học sinh/lớp
- + Khối lớp 8: 255 học sinh /7 lớp. Bình quân: 36,4 học sinh/lớp
- + Khối lớp 9: 194 học sinh /5 lớp. Bình quân: 33,3 học sinh/lớp
- Số học sinh dân tộc: 01 học sinh (Kơ me).

- Số học sinh khuyết tật: 02 học sinh.
- Số học sinh chuyển đến: 0 học sinh, số học sinh chuyển đi: 01 học sinh.

2. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026

a) Về kết quả học tập

Khối lớp	Tổng số HS	HS Nữ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
6	208	101	39	18,75	67	32,21	95	45,67	7	3,37
7	188	89	50	26,6	61	32,45	72	38,3	5	2,66
8	255	139	52	20,39	102	40	96	37,65	5	1,96
9	194	97	54	27,84	70	36,08	42	30,88	0	0
T.Cộng	845	426	195	23,08	300	35,5	333	39,41	17	2,01

b) Về kết quả rèn luyện:

Khối lớp	T.số HS	HS Nữ	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
6	208	101	193	92,79	15	7,21	0	0	0	0
7	188	89	180	95,74	8	4,26	0	0	0	0
8	255	139	249	97,65	5	1,96	0	0	1	0.39
9	194	97	190	97,94	4	2,06	0	0	0	0
T.Cộng	845	426	812	96,06	32	3,79	0	0	1	0

* Đối sánh với năm học 2024-2025

3. Học tập:

+ Tốt: 23,08 % (tăng 3,71 % so với cùng kỳ năm học trước: 19,37%);

- + Khá: 35,5% (tăng 1,2 % so với cùng kỳ năm học trước: 34,3%);
- + Đạt: 39,41 % (giảm 3,63% so với cùng kỳ năm học trước: 43,04%);
- + Chưa đạt: 2,01% (giảm 1,28% so với cùng kỳ năm học trước: 3,29%);

4. Rèn luyện:

- + Tốt: 96,09 % (tăng 2,04 % so với cùng kỳ năm học trước : 94,05%);
- + Khá: 3,79 % (giảm 1,91% so với cùng kỳ năm học trước :5,7 %);
- + Đạt: 0% (giảm 0,25% so với cùng kỳ năm học trước: 0,25%);
- + Chưa đạt: 0,12(tăng 0,12 so với cùng kì năm học trước)
- * Học sinh đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc: 37 em tỉ lệ 4,38 (tăng 13 em so với năm học trước: năm trước 24 học sinh tỷ lệ: 3,03 %
- * Học sinh đạt danh hiệu học sinh Giỏi: 158 em tỉ lệ 18,7%(tăng 29 em so với năm học trước: năm trước 129 học sinh, tỷ lệ: 16,33 %

Tổng cộng học sinh Xuất sắc và học sinh Giỏi : 195 em đạt 23,08% tăng 42 em tăng tỉ lệ 3,78% so với cùng thời kì năm trước (năm trước 153 học sinh, tỷ lệ: 19,3%)

5. Học sinh lên lớp thẳng: 828/845 học sinh, tỉ lệ: 97,98%
6. Học sinh kiểm tra lại: 17/845 học sinh, tỉ lệ: 2,02%
7. Học sinh rèn luyện hạnh kiểm trong hè: 1 học sinh, tỉ lệ: 0,12 %
8. Học sinh Hoàn thành chương trình THCS: 194/194 học sinh, tỉ lệ: 100%
9. Học sinh trúng tuyển vào trường THPT: 184/194 (71,91%)

Trong đó:

- + Trường THPT chuyên Lê Khiết: 0/0 học sinh (0%)
- + Trường THPT Lý Sơn: 184/194 (94,85%)

c) Kết quả thi học sinh giỏi

- + Có 01 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh giải toán trên máy tính cầm tay và 01 giải ba olympic Tiếng Anh lớp 8.
- + Có 01 sản phẩm KHKT đạt giải ba cấp tỉnh.
- + Có 07 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp đặc khu (Lớp 9 đạt 7). Trong đó: 01 giải nhì, 03 giải ba , 3 khuyến khích.
- + Có 02 học sinh đạt giải cấp Đặc khu: Thi giải toán trên MTCT: 01 giải ba và 01 giải KK

* Tổ chức thi chọn học sinh giỏi cấp trường cho học sinh khối 6,7,8. Kết quả : 03 giải nhất, 08 giải nhì, 12 giải ba , 20 giải KK.

d) Các hội thi khác:

- + Học sinh tham gia thi vẽ tranh cấp tỉnh: đạt giải Khuyến khích

+ Học sinh tham gia các môn thể thao thiếu nhi do huyện đoàn tổ chức đạt giải nhì.
 + Ngoài tham gia đầy đủ các cuộc thi: Viết thư quốc tế UPU, Đại sứ văn hóa đọc, An toàn giao thông vì nụ cười ngày mai và nhiều cuộc thi trực tuyến của các cấp triển khai.

e) Các hoạt động giáo dục khác:

- + Nhà trường phát động và tổ chức tham gia nhiều hoạt động:
- + Phối hợp với công an huyện tuyên truyền về luật giao thông đường bộ, phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy, sử dụng mạng xã hội, phòng cháy chữa cháy.
- + Tổ chức tuyên truyền phòng chống đuối nước, phòng chống dịch bệnh, sức khỏe sinh sản vị thành niên...
- + Tổ chức thi văn nghệ, làm lồng đèn, mâm cỗ trong đêm hội trăng rằm năm 2025.
- + Tổ chức thi cắm hoa, viết bài về thầy cô nhân ngày nhà giáo Việt nam 20/11. Tổ chức trò chơi dân gian cho học sinh nam nhân ngày thành lập đoàn 26/3/2026.
- + Tổ chức hoạt động về nguồn nhân ngày 22/12, 27/7 ngày thương binh liệt sĩ.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1/ Tình hình tài chính năm 2025

1.1. Các khoản thu phân theo:

a. Nguồn ngân sách:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 19.068.051.430 đồng.
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 2.017.085.000 đồng.

b. Nguồn Thu dịch vụ:

- Cấp bù học phí: 211.192.780 đồng.
- Nguồn thu dịch vụ: 0 đồng.

1.2. Các khoản chi phân theo:

a. Nguồn ngân sách:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 18.532.001.072 đồng.
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 2.016.016.940 đồng.

b. Nguồn học phí:

- Chi cải cách tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP: 84.477.112 đồng
- Chi từ nguồn học phí được để lại: 126.715.668 đồng.

1.3. Nguồn thu dịch vụ:

1. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2025 - 2026

Tiền học phí: Không thực hiện thu.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp; miễn, giảm học phí và học bổng cho học sinh

2.1. Miễn 100% học phí cho học sinh theo Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ và ngân sách cấp bù học phí cho học sinh.

Diện miễn: $847 \text{ học sinh} \times 20.000\text{đ/tháng/học sinh} \times 4 \text{ tháng} = 67.760.000\text{đ}$ (Học kì 1)

Diện miễn: $847 \text{ học sinh} \times 50.000\text{đ/tháng/học sinh} \times 5 \text{ tháng} = 211.750.000\text{đ}$ (Học kì 2)

Tổng cộng: 279.510.000đ

2.2. Hỗ trợ chi phí học tập theo Điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ: mỗi em 150.000đ/tháng/ học sinh.

HK 1/NH 2025-2026 là 847 học sinh: số tiền: 507.900.000 đồng

HK 2/NH 2025-2026 là 847 học sinh: Chưa chi.

2.3. Hỗ trợ học bổng và kinh phí mua phương tiện ĐDHT cho học sinh khuyết tật cho hoàn cảnh khó khăn theo thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013. (không có)

3. Số dư các quỹ theo quy định

a) Nguồn ngân sách:

+ Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 536.050.358 đồng.

+ Nguồn ngân sách không tự chủ: 1.068.060 đồng.

b) Nguồn học phí: 147.330.780 đồng.

4. Các nội dung công khai khác

- Công khai theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai nsân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ:

- Công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-THCS ngày 07/01/2025 của trường THCS An Vĩnh). Công khai thực hiện quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (chưa có thông báo của cơ quan cấp trên nên nhà trường chưa thực hiện công khai quyết toán ngân sách năm 2025).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Hàng tháng, nhà trường đã phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách pháp luật Nhà Nước và các quy định liên quan cho toàn viên chức nhà trường theo đúng kế hoạch.

Thường xuyên triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM theo tinh thần Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/05/2016 của Bộ Chính trị; nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XIX; Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, đại hội đảng bộ đặc khu lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

2.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

2.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học.

3. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

3.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2025-2026.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp Thành phố môn KHTN được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra giữa kỳ, cuối học kỳ, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

3.2. *Dạy học STEM*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

5. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương, xã hội. Đổi mới nội dung và phương thức giáo dục như cho HS, tăng cường hoạt động trải nghiệm.. Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

6. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, AI trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

7. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị theo đúng tinh thần Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thực hiện công khai của nhà trường thực hiện vào đầu năm học tại bảng niêm yết và trên website của nhà trường theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính, công khai chất lượng giáo dục học sinh, liên lạc thông báo kết quả học tập của học sinh về gia đình. Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, trung thực với cấp trên.

8. Nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra nội bộ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường THCS An Vĩnh năm học 2025-2026; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn, nề nếp học tập và rèn luyện của học sinh. Công tác kiểm tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động theo Điều lệ trường học được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế. Quản lý nhà trường theo đúng các văn bản hướng dẫn, Hội đồng tư vấn giáo dục đã được thành lập và phân công thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Năm học 2025-2026 nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2026 của Trường THCS An Vĩnh, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, cha mẹ học sinh, CB-GV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2026-2027./.

Nơi nhận

- UBND đặc khu;
- Chi ủy;
- Lãnh đạo Trường;
- Các đoàn thể, TCM;
- Bảng tin thông báo nhà trường;
- Đăng trên trang web đơn vị;
- Lưu VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hoàng Trường